

NỘI DUNG ÔN TẬP LỚP 3

MÔN TOÁN

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$$2543 + 5287 \quad 5384 + 3879 \quad 8945 - 7238 \quad 5826 - 4532$$

Bài 2: Đặt tính rồi tính

$$\begin{array}{cccc} 248 \times 5 & 175 \times 3 & 154 \times 6 & 370 \times 9 \\ 216 \times 3 & 307 \times 6 & 218 \times 7 & 106 \times 9 \end{array}$$

Bài 3: Đặt tính rồi tính

$$3446 : 4 \quad 7290 : 6 \quad 5856 : 5 \quad 7840 : 7$$

Bài 4: Đọc (viết bằng chữ) các số sau:

34567.....

43567.....

54673.....

47653.....

53476.....

Bài 5: Xếp các số 34567, 43567, 54673, 47653, 53476;

a, Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....

b, Theo thứ tự từ lớn đến bé:.....

Bài 6. Viết các số (theo mẫu): Mẫu: $9732 = 9000 + 700 + 20 + 2$

3457; 1919; 2020; 8679.

Bài 7. Tính giá trị của biểu thức

$$125 - 80 + 40 =$$

$$22 + 2 \times 4 =$$

$$373 - 10 \times 2 =$$

$$30 \times 9 : 3 =$$

Bài 8. Có 240 quyển sách xếp đều vào 2 tủ, mỗi tủ có 4 ngăn. Hỏi mỗi ngăn có bao nhiêu quyển sách, biết rằng mỗi ngăn có số sách như nhau?

Bài 9. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 34m, chiều rộng 20m. Tính chu vi mảnh vườn đó.

Bài 10: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 35m, biết chiều rộng ít hơn chiều dài 15m. Hãy tính chu vi mảnh đất đó?

MÔN TIẾNG VIỆT

Viết chính tả bài: “Trần Bình Trọng” sách Tiếng Việt lớp 3, tập 2, trang 11.

Làm bài tập:

1. Tìm 5 từ:

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng “L”. Ví dụ: lao động,...

b) Chứa tiếng bắt đầu bằng “N”. Ví dụ: nông thôn,...

2. Chọn 2 từ vừa tìm được để đặt 2 câu.

3. Đặt các câu theo mỗi yêu cầu sau:

a, Có hai từ chỉ người trong câu.

b. Có hai từ chỉ đồ vật trong câu.